

Số: 112/PGD&ĐT

Long Biên, ngày 12 tháng 4 năm 2021

V/v lập danh sách HS diện chế độ
chính sách HK II năm học 2020-2021

Kính gửi: Đ/c Hiệu trưởng các trường MN, TH, THCS trong Quận.

Căn cứ Nghị định 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn giảm học phí hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021; Thông tư số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC - BLĐT BXH ngày 30/3/2016 của liên bộ: Bộ Giáo dục và Đào tạo - Tài chính - Lao động Thương binh và xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015, NĐ số 57/NĐ-CP ngày 09/5/2017, NĐ số 145/2018/NĐ-CP ngày 16/10/2018; NQ số 04/2019/NQ-HĐND ngày 8/7/2019; Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2020 về Quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non.

Phòng GD&ĐT đề nghị các nhà trường rà soát, đối chiếu với QĐ công nhận hộ nghèo, cận nghèo năm 2021 của UBND Quận, tổng hợp danh sách học diện thuộc diện chính sách theo mẫu gửi kèm, hồ sơ sắp xếp theo từng loại, mỗi loại gồm danh sách và đơn xếp theo thứ tự danh sách, giấy chứng nhận và hồ sơ kèm theo, gồm:

1. Đơn miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập

- Đối với các đối tượng thuộc diện miễn giảm học phí cho trẻ mẫu giáo, học sinh THCS: mẫu đơn theo phụ lục II của Thông tư số 09/2016/TTLT - BGD- BTC - BLĐT BXH, bảng tổng hợp các trường MN theo mẫu số 1.1, bảng tổng hợp các trường THCS theo mẫu số 1.2.

- Đối với các đối tượng thuộc diện được hỗ trợ chi phí học tập: trẻ mẫu giáo, học sinh TH, học sinh THCS: mẫu đơn theo phụ lục III của Thông tư số 09/2016/TTLT - BGD- BTC - BLĐT BXH, bảng tổng hợp theo mẫu số 2.

2. Tiền ăn trẻ mẫu giáo:

- Đối với trẻ mẫu giáo thuộc diện được cấp tiền ăn trưa theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2020 về quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non: nộp đơn, giấy chứng nhận, bản sao GKS, bảng tổng hợp theo mẫu số 03.

- Một số lưu ý:

+ Trẻ em thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP được hỗ trợ tối thiểu 160.000 đồng/trẻ/tháng. Thời gian hỗ trợ tính theo số tháng học thực tế, nhưng không quá 9 tháng/năm học



+ Trẻ em độ tuổi mẫu giáo (không bao gồm trẻ em dân tộc thiểu số rất ít người theo quy định tại Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ em mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người) đang học tại lớp mẫu giáo trong các cơ sở giáo dục mầm non bảo đảm một trong những điều kiện sau:

- a) Có cha hoặc có mẹ hoặc có người chăm sóc trẻ em hoặc trẻ em thường trú ở thôn đặc biệt khó khăn, xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển, hải đảo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.
- b) Không có nguồn nuôi dưỡng được quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.
- c) Là nhân khẩu trong gia đình thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.
- d) Trẻ em là con liệt sĩ, con Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, con thương binh, con người hưởng chính sách như thương binh, con bệnh binh; con một số đối tượng chính sách khác theo quy định tại Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng (nếu có).
- đ) Trẻ em khuyết tật học hòa nhập.

3. Bản sao giấy tờ chứng minh là hộ nghèo, hộ cận nghèo, mồ côi.....do UBND phường cấp hoặc xác nhận (Riêng trẻ mẫu giáo nộp thêm bản sao giấy khai sinh)

Các trường nộp về PGD&ĐT ngày 15/4/2021 (đ/c Hằng kế toán nhận). Đơn vị nào không có học sinh thuộc diện chính sách nộp danh sách ghi "Không có".

Đề nghị các trường thực hiện nghiêm túc và đúng thời gian quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VP (02)



Vũ Thị Thu Hà



Đơn vị: Trường

Mẫu 1.1

**Danh sách học sinh đề nghị cấp bù học phí
học kỳ II năm học 2020-2021
(Đối với trẻ mầm non)**

Số TT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Lớp	Đối tượng	Diện	Số tiền hỗ trợ/tháng	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ
I	Trẻ mẫu giáo							
1	Nguyễn Văn A				Miễn	217.000	04	
2	Nguyễn Văn B				Giảm	108.500	04	
II	Trẻ em MN 5 tuổi							
1	Nguyễn Văn A				Miễn	155.000	04	
2	Nguyễn Văn B				Giảm	77.500	04	
	Tổng cộng							

Kế toán

Ngày tháng năm 2021

Hiệu trưởng
(Ký, đóng dấu)



Đơn vị: Trường

Mẫu 1.2

**Danh sách học sinh đề nghị cấp bù học phí
học kỳ II năm học 2020-2021
(Đối với học sinh THCS)**

Số TT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Lớp	Đối tượng	Diện	Số tiền hỗ trợ/tháng	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ
	Nguyễn Văn A			Con TB	Miễn	155.000	05	
	Nguyễn Văn B			cận nghèo	Giảm	77.500	05	
							
	Tổng cộng							

Kế toán

Ngày tháng năm 2021

Hiệu trưởng
(Ký, đóng dấu)

Đơn vị: Trường

Mẫu 2

**Danh sách học sinh đề nghị hỗ trợ chi phí học tập
học kỳ II năm học 2020-2021**
(Đối với trẻ mẫu giáo, học sinh TH, học sinh THCS)

Số TT	Họ tên học sinh	Ngày tháng năm sinh	Lớp	Đối tượng	Số tiền hỗ trợ/tháng	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ
	Nguyễn Văn A				100.000	MN:4 tháng, TH,THCS:5 tháng	
	Tổng cộng						

Kế toán

Ngày tháng năm 2021

Hiệu trưởng
(Ký, đóng dấu)

Đơn vị: Trường

Mẫu 3

**Danh sách học sinh đề nghị cấp tiền ăn trưa
học kỳ II năm học 2020-2021**
(Đối với trẻ mẫu giáo)

Số TT	Họ tên học sinh	Ngày tháng năm sinh	Đối tượng	Số tiền hỗ trợ/tháng	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ
	Nguyễn Văn A			160.000	4 tháng	
					
	Tổng cộng					

Kế toán

Ngày tháng năm 2021

Hiệu trưởng
(Ký, đóng dấu)